

PHẦN 2

HỆ THỐNG TIÊU ĐỀ CHỦ ĐỀ CỦA THƯ VIỆN QUỐC HỘI HOA KỲ (LIBRARY OF CONGRESS SUBJECT HEADINGS)

2.1. Lịch sử

2.1.1. Các giai đoạn phát triển

Việc sử dụng TĐCĐ trong các thư viện tại Hoa Kỳ đã có từ giữa thế kỷ thứ 19. Ông Charles Ammi Cutter (1837-1903), một trong những nhà thư viện học tiên phong của Hoa Kỳ, đã hệ thống hoá các tiêu chuẩn về TĐCĐ trong cuốn sách kinh điển của ông, *Rules for a dictionary catalog* (xuất bản lần đầu tiên dưới tựa đề “*Rules for a printed dictionary catalogue*,” trong cuốn *Public libraries in the United States of America*, do Government Printing Office ấn hành tại Washington, D.C. vào năm 1876; ấn bản thứ 4 là ấn bản cuối cùng ra đời năm 1904; sau đó đã được Hội Thư Viện Anh Quốc in lại vào năm 1972). Rất nhiều thư viện công cộng tại Hoa Kỳ đã chấp nhận hình thức mục lục từ điển theo sự cổ vũ của ông Cutter. Trong mục lục theo lối từ điển này, tất cả các phiếu mục lục đều được xếp chung theo một thứ tự mẫu tự duy nhất. Dĩ nhiên, trong các loại phiếu mục lục này có cả những phiếu có mang TĐCĐ. Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ (Library of Congress, sau đây sẽ gọi tắt là LC), tuy lúc đó chưa chấp nhận lối mục lục từ điển này của ông Cutter nhưng từ lâu vẫn sử dụng TĐCĐ trong mục lục của họ. LC tiếp tục tạo ra ngày càng nhiều những TĐCĐ mới theo với đã phát triển của bộ sưu tập, dựa trên những tiêu chuẩn mà ông Cutter đã hệ thống hóa.

Sau khi dọn vào cơ sở mới vào năm 1897 (và chính thức mở cửa cho công chúng vào ngày 1 tháng 11 năm 1897; độc giả có thể đọc trực tuyến sơ lược lịch sử của LC tại URL này: <http://www.loc.gov/about/history.html>), các vị điều hành LC có hai quyết định quan trọng. Thứ nhất, vào cuối năm 1897, họ quyết định tạo ra một hệ thống phân loại mới để sắp xếp tài liệu trong thư viện; đó là Hệ Thống Phân Loại của Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ (Library of Congress Classification, sau đây sẽ gọi tắt là LCC). Quyết định thứ nhì, vào năm sau 1898, là áp dụng lối mục lục từ điển của ông Cutter.

Vào năm 1899, lần đầu tiên một vị quản thủ thư viện chuyên môn, ông Herbert Putnam, lúc bấy giờ đang là Thư Viện Trưởng của Thư Viện Công Cộng Thành Phố Boston, và vừa đắc cử chức vụ Chủ Tịch Hội Thư Viện Hoa Kỳ, được Tổng Thống Hoa Kỳ William McKinley (1843-1901; Tổng Thống thứ 25 của Hoa Kỳ, 1897-1901) bổ nhiệm làm Quản Thủ Thư Viện của LC (Librarian of Congress). Ông đảm nhiệm chức vụ này trong suốt 40 năm (1899-1939) và đã biến LC thật sự thành một “*thư viện quốc gia*” của Hoa Kỳ, chứ không phải chỉ đơn thuần là thư viện của Quốc Hội mà thôi. Không những cố gắng phát triển bộ sưu tập của LC, ông Putnam còn đặc biệt chú trọng đến việc phát triển việc cung cấp dịch vụ cho các thư viện trên toàn quốc. Vào cuối năm 1901, LC trở thành thư viện đầu tiên tại Hoa Kỳ với sưu tập đạt đến con số

một triệu cuốn. Cũng trong năm này, LC bắt đầu in và bán ra các phiếu mục lục (printed catalog cards) cho tất cả thư viện nào cần và muốn mua. Do dịch vụ này, càng ngày càng có nhiều thư viện sử dụng các TĐCĐ của LC, và đưa đến yêu cầu xuất bản một danh mục của những TĐCĐ này. Ấn bản đầu tiên của danh mục này mang tên **Subject Headings Used in the Dictionary Catalogues of the Library of Congress** và được xuất bản vào năm 1914. Đến ấn bản thứ 8, năm 1975, danh mục này bắt đầu mang tên mới cho đến ngày hôm nay: **Library of Congress Subject Headings.**

2.1.2. Các ấn bản

Sau đây là danh sách liệt kê một số ấn bản tiêu biểu với những nét đặc thù: (Chan, Lois Mai, *Library of Congress Subject Headings: principles and application.* Ấn bản lần 4. Wesport, Conn.: Libraries Unlimited, 2005. Tr. 7-8)

- 1914 (Ấn bản đầu tiên): gồm có toàn bộ danh mục TĐCĐ với các tham chiếu **Xem (See)** và **Xem Thêm (See Also)**
- 1943 (Ấn bản lần thứ 4): gồm thêm một danh mục riêng rẽ cho các tham chiếu **Từ (Refer from)**
- 1948 (Ấn bản lần thứ 5): chính thức đưa các tham chiếu **Từ (Refer from)** vào danh mục TĐCĐ; giới thiệu lần đầu tiên các ký hiệu cho từng loại tham chiếu
- 1966 (Ấn bản lần thứ 7): lần đầu tiên được ấn hành bằng cách sử dụng một hệ thống tự động hóa, giúp cho việc tạo ra các phụ trương (supplements) được dễ dàng hơn
- 1975 (Ấn bản lần thứ 8): đổi tên thành **Library of Congress Subject Headings – LCSH**; bao gồm một bài dài giới thiệu cách sử dụng các **Tiểu phân mục (Subdivisions)** và một danh mục riêng của các Tiêu Đề dành cho sách nhi đồng (Headings for children's literature)
- 1986 (Ấn bản lần thứ 10): lần đầu tiên danh mục cũng được ấn hành dưới dạng điện tử mang tên là **SUBJECTS**, bây giờ là một bộ phận của cơ sở dữ liệu tiêu đề chuẩn gọi là **Library of Congress Authorities**
- 1988 (Ấn bản thứ 11): xuất bản hàng năm kể từ ấn bản này.

2.1.3. Hiện trạng

Hiện nay, cả **LCSH** và **LCC** (Library of Congress Classification -- Hệ Thống Phân Loại của LC) đều có thể truy dụng trực tuyến (online access) trên mạng **Classification Web** của LC.

Về ấn bản in trên giấy, **LCSH** hiện nay gồm tất cả 6 quyển, bìa bằng giấy bồi cứng màu đỏ, do đó thường được cộng đồng thư viện Hoa Kỳ gọi chung là **"the Red Books."** ["Sách màu đỏ."] Ấn bản mới nhất là Ấn bản thứ 31 (2008-2009), gồm tất cả 6 (sáu) quyển; quyển thứ 6 mới thêm vào mang nhan đề là **"Supplemental Vocabularies"** gồm có 3 phần là : 1) các Tiểu phân mục phù động tự do (Free-floating subdivisions), 2) Tiêu đề thể loại / hình thức (Genre / form headings), và, 3) Tiêu đề cho sách nhi đồng (Children's subject headings); quyển này có thể đặt mua riêng , ở địa chỉ Internet sau đây: <http://www.loc.gov/cds/>

Vì sự phát triển của bộ sưu tập của LC nói chung và của **LCSH** nói riêng là liên tục với rất nhiều TĐCĐ được tu chính, cũng như những TĐCĐ mới được các biên mục viên chủ đề (subject catalogers) của LC cấu tạo ra hàng ngày, **LC** đã ấn hành thêm một số ấn phẩm phụ sau đây để hỗ trợ cho việc sử dụng **LCSH**: (Chan, tài liệu đã dẫn, tr. 8; Taylor, Arlene G. *Wynar's Introduction to cataloging and classification*. Ấn bản lần 9. Englewood, Colo.: Libraries Unlimited, 2000. Tr. 355).

LCSH Weekly Lists: cung cấp các TĐCĐ mới và các TĐCĐ đã được tu chính; có thể truy cập trực tuyến tại URL sau đây:

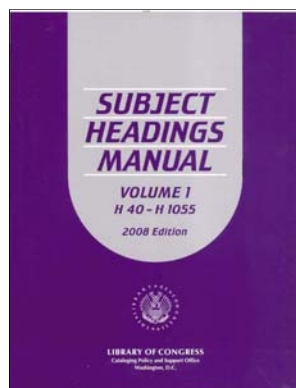
<http://www.loc.gov/aba/cataloging/subject/weeklylists/>

Cataloging Service Bulletin (CSB): ấn hành mỗi ba tháng, cung cấp thông tin về TĐCĐ mới, TĐCĐ được tu chính, danh mục những TĐCĐ cho các chủ đề đang được mọi người quan tâm, và những thay đổi về chính sách, về TĐCĐ, và về tiểu phân mục [Truy cập miễn phí tại: <http://www.loc.gov/cds/PDFdownloads/csb/index.html>]

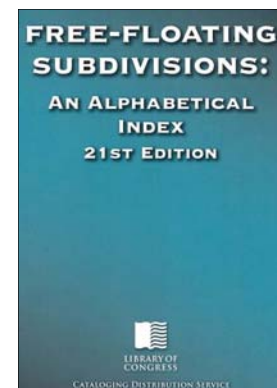
Subject Headings Manual : ấn hành lần đầu tiên vào năm 1984, dưới hình thức những tờ rời (loose-leaf), cung cấp thông tin về những quy tắc hướng dẫn biên mục viên của LC trong việc ấn định TĐCĐ; ấn bản mới nhất được ấn hành trong năm 2008; cập nhật (updates) mỗi 6 tháng

Free-Floating Subdivisions : An Alphabetical Index: ấn hành mỗi năm một lần, cung cấp danh mục của tất cả những tiểu phân mục phụ động tự do tức là những tiểu phân mục có thể dùng chung với bất cứ TĐCĐ nào

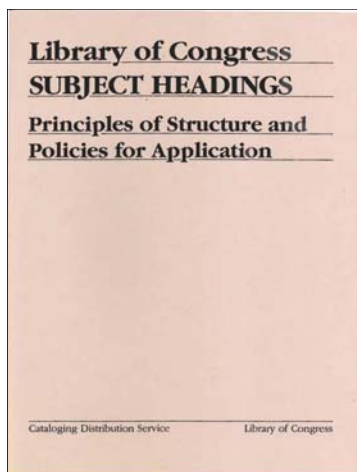
Library of Congress Subject Headings : Principles of Structure and Policies for Applications : Annotated Version : như nhan đề đã ghi rõ, ấn phẩm này tập trung cung cấp tất cả các thông tin về các nguyên tắc và chính sách của LC liên quan đến vấn đề TĐCĐ, trích ra từ các tài liệu chính thức của LC.



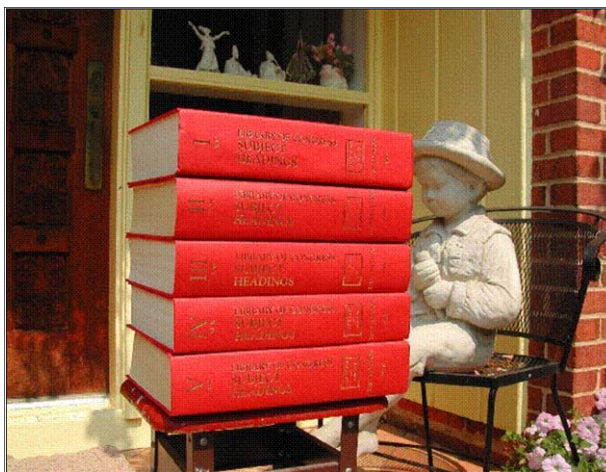
Subject Headings Manual, 2008



Free-Floating Subdivisions, 2009



Library of Congress Subject Headings : Principles of Structure and Policies for Application. 1990



Library of Congress Subject Headings — “The Red Book” — Photo by LienHuong Fiedler

Gần đây nhất, kể từ ngày 30-4-2009, LC đã cho phép truy dụng LCSH miễn phí tại URL sau đây: <http://id.loc.gov>. Không những thế, LC còn cho phép người sử dụng được hạ tải (download) toàn bộ LCSH (vào khoảng hơn 32 MB trong một hồ sơ nén -- zip file--; sau khi mở ra (unzip file) thì hồ sơ này sẽ trên 347 MB) vào máy điện toán của mình để sử dụng. Tuy nhiên đây chỉ là một hồ sơ dữ liệu (data file), được viết bằng ngôn ngữ XML, cần phải có một phần mềm ứng dụng (application program) mới có thể truy tìm (search, query) và hiển thị (display) được.

2.2. Những nguyên tắc căn bản

Trong khoảng thời gian từ 1897 đến 1930, chịu ảnh hưởng của những tư tưởng chỉ đạo trong các tác phẩm của ông Charles A. Cutter và dưới sự điều khiển kế tiếp nhau của hai vị Trưởng Khối Biên Mục (Head, Cataloging Division) James M.C. Hanson và Charles Martel, các nguyên tắc về việc thiết lập TĐCĐ của LC dần dà được định hình. Ảnh hưởng của ông Cutter chỉ được LC công nhận một cách bán chính thức trong một bài viết vào năm 1970 của ông Richard S. Angell, lúc đó là Trưởng Khối Biên Mục Chủ Đề (Chief, Subject Cataloging Division), như sau: (Chan, tài liệu đã dẫn, tr. 6) *“The final formulation of Cutter’s objectives and rules was taking place at the same time that the Library of Congress was expanding and reorganizing the collections at the turn of the century. His work had a considerable influence on the founders of the Library of Congress catalog = Việc định hình cuối cùng của những mục tiêu và quy tắc của ông Cutter diễn ra cùng một thời gian với việc Thư Viện Quốc Hội mở rộng và tổ chức lại các sưu tập vào đầu thế kỷ. [ghi chú thêm của người viết: đây là đầu thế kỷ 20] Tác phẩm của ông đã có một ảnh hưởng đáng kể đối với các vị đã xây dựng thư mục của Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ.”*

LCSH được xây dựng trên các nguyên tắc căn bản sau đây:

2.2.1. Nguyên tắc dựa trên sự phát triển của sưu tập (Literary warrant)

Đây là một đặc điểm của LCSH. Ngay từ khởi đầu, các nhà lãnh đạo của LC, trong khi tiến hành xây dựng LCSH (cũng như LCC), đã quyết định chọn nguyên tắc chỉ đạo căn bản và quan trọng này: các TĐCĐ sẽ được tạo ra **hoàn toàn dựa trên sự hiện hữu của các tài liệu trong sưu tập của LC**. Điều này có nghĩa là LC không tạo ra sẵn một danh mục đầy đủ các TĐCĐ dựa trên hệ thống kiến thức chung của nhân loại (theo kiểu như hệ thống phân loại DDC), rồi sau đó sẽ sử dụng các TĐCĐ trong danh mục này trong công tác biên mục chủ đề. Trái lại, **danh mục TĐCĐ của LC (sau này sẽ trở thành LCSH) được hình thành dần dần với sự phát triển của bộ sưu tập của LC**.

Do nguyên tắc này, LCSH mang 2 khuyết điểm rõ rệt: 1) Thiếu tính nhất quán (inconsistent) trong hệ thống TĐCĐ; điều này đã được LC xác nhận trong Lời Tựa của ấn bản lần thứ tư của LCSH (1943); ông David Judson Haykin, lúc đó là Trưởng Khối Biên Mục Chủ Đề của LC (Chief, Subject Cataloging Division) đã viết như sau: *“The failures in logic and consistency are, of course, due to the fact that headings were adopted in turn as needed, and that many minds participated in the choice and establishment of headings. = Dĩ nhiên, các thất bại không đạt được tính lô-gích và nhất quán là do sự kiện các tiêu đề đã được chọn tuần tự tùy theo nhu cầu, và quá nhiều người đã tham gia vào việc chọn lựa và xây dựng các tiêu đề.”* 2) Hệ thống LCSH mang nặng tính “Mỹ” vì LC, trên thực tế là “thư viện quốc gia” của Hoa Kỳ, và vì thế sưu tập của LC gồm tuyệt đại bộ phận là các ấn phẩm của Hoa Kỳ. Trong những năm gần đây, khuyết điểm này được sửa chữa phần nào nhờ dự án SACO (Subject Authority Cooperative Program - <http://www.loc.gov/catdir/pcc/saco/>) của chương trình PCC (Program for Cooperative Cataloging - <http://www.loc.gov/catdir/pcc/>), qua đó các thư viện tham gia vào dự án đã đóng góp thêm vào LCSH rất nhiều tiêu đề phản ảnh sưu tập của các thư viện đó.

2.2.2. Nguyên tắc dựa trên sự sử dụng của độc giả (User and usage)

Nguyên tắc chỉ đạo thứ nhì của LCSH là nguyên tắc xem **“độc giả là trọng tâm, là tiêu điểm = reader as the focus”** của công tác biên mục. Một lần nữa ta thấy rõ ảnh hưởng của ông Cutter đối với các nhà lãnh đạo tiên phong của LC. Trong Lời Mở Đầu của ấn bản lần 4 (1904) của cuốn sách **Rules for a Dictionary Catalog**, ông Cutter đã viết như sau: *“The convenience of the public is always to be set before the ease of the cataloger. = Tiện lợi cho công chúng phải được xếp trước tiện nghi của biên mục viên.”* Từ “public = công chúng” phải được hiểu là độc giả, hay, trong ngôn ngữ hiện nay, là người sử dụng (user). Điều này có nghĩa là TĐCĐ được chọn phải phù hợp với suy nghĩ và thói quen của người sử dụng. Muốn làm được điều này thì biên mục viên cần phải trả lời được một loạt những câu hỏi như sau: người sử dụng là người như thế nào, có những nhu cầu gì, và cách họ tiếp cận mục lục (nhứt là mục lục chủ đề) ra sao. Trong các tác phẩm của ông, ông Cutter cho thấy có vẻ như ông nắm rất vững cách suy nghĩ và thói quen của độc giả của ông. Điều này chúng ta có thể tin được phần nào vì độc giả trong thời gian hoạt động của ông Cutter (giữa thế

kỷ 19 cho đến đầu thế kỷ 20) chưa đạt đến trình độ phức tạp như người sử dụng hiện nay. Trong những thập niên gần đây đã có rất nhiều những cuộc nghiên cứu về người sử dụng cho từng loại hình thư viện, nhất là từ khi có sự ra đời của mục lục điện tử trực tuyến. Tuy chưa có một cuộc nghiên cứu nào thật sự trả lời rõ ràng những câu hỏi nêu trên, nguyên tắc “độc giả là tiêu điểm” này vẫn tiếp tục được xem là kim chỉ nam trong công tác biên mục chủ đề.

2.2.3. Nguyên tắc về tiêu đề đồng nhất (Uniform heading)

Nếu hai nguyên tắc vừa kể trên mang tính chỉ đạo tổng quát về đường lối, chính sách thì nguyên tắc chỉ đạo thứ ba này nghiêng nặng về mặt thực tiễn nhiều hơn. **Mục tiêu chính yếu của công tác biên mục chủ đề là tập trung lại dưới một TĐCĐ tất cả những tài liệu có trong thư viện bàn về cùng một chủ đề.** Vì thế mỗi một chủ đề chỉ có thể được trình bày bằng **một** TĐCĐ mà thôi. Do đó, khi xây dựng các TĐCĐ, biên mục viên phải chọn để dùng làm TĐCĐ một hình thức duy nhất trong tất cả những hình thức khác nhau của một ý niệm (concept) hay một từ (term):

- các từ đồng nghĩa (synonyms)
Thí dụ: **Liberty** và **Freedom** [Quyền tự do]
- các dạng chính tả khác nhau của một từ
Thí dụ: **Catalog** và **Catalogue** [Mục lục]
- giữa các từ tiếng Anh và từ ngoại ngữ
Thí dụ: **Bonsai** [Nghệ thuật bonsai]
- giữa từ bình dân và từ khoa học
Thí dụ: **Butterflies** và **Lepidoptera** [Bướm và sâu bọ cánh phấn]
- giữa từ cổ và từ hiện tại
Thí dụ: **Computers** và **Electronic calculating-machines** [Máy điện toán và Máy tính điện tử]

Tất cả các hình thức **không được sử dụng** đều được làm tham chiếu để hướng dẫn người sử dụng đến hình thức đã được chọn làm TĐCĐ.

2.2.4. Nguyên tắc về tiêu đề duy nhất (Unique heading)

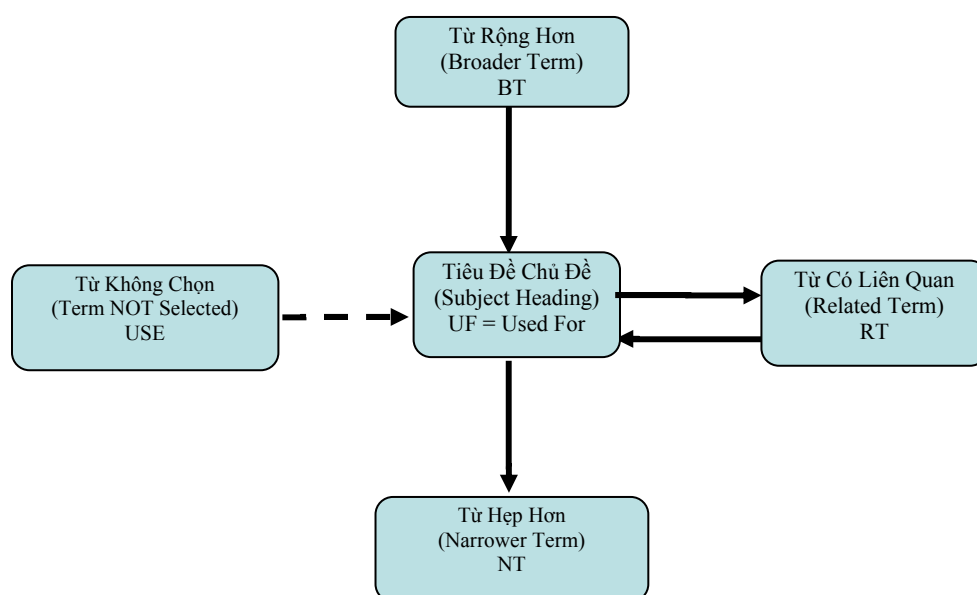
Nguyên tắc chỉ đạo này là một hệ luận từ nguyên tắc vừa nêu bên trên. Nếu mỗi chủ đề chỉ có thể được trình bày bằng **một** TĐCĐ mà thôi, thì, ngược lại, mỗi TĐCĐ cũng chỉ được sử dụng để trình bày **một** ý niệm hay một từ mà thôi. Nguyên tắc chỉ đạo này là để giải quyết vấn đề các từ đồng âm (homographs) nhưng dị nghĩa. Do đó các TĐCĐ thuộc loại này cần phải được làm rõ nghĩa bằng cách thêm nghĩa trong dấu ngoặc đơn; thí dụ: **Cold** và **Cold (Disease)** [Lạnh và Cảm lạnh]; **Rings (Algebra)** và **Rings (Gymnastics)** [Vòng (Đại số học) và Vòng (Thế dục dụng cụ)]

2.2.5. Nguyên tắc về tiêu đề chính xác (Specific entry)

Theo nguyên tắc này, mỗi TĐCĐ phải diễn tả được thật chính xác chủ đề của tài liệu đang được làm biên mục, không rộng hơn mà cũng không hẹp hơn chủ đề. Ví dụ: TĐCĐ cho một cuốn sách viết về loài mèo sẽ là **Cats**, chứ không phải **Zoology, Mammals** [Động vật học, Loài có vú], hay **Domestic animals** [Gia súc].

2.3. Hệ thống tham chiếu (Syndetic structure)

Hệ thống tham chiếu của LCSH có thể được mô tả bằng biểu đồ sau đây:



Hệ thống tham chiếu này được thiết lập để giúp cho người sử dụng mục lục chủ đề: 1) được hướng dẫn đến TĐCĐ đã được thiết lập, dù cho họ khởi sự việc truy dụng bằng bất cứ từ hay cụm từ nào; 2) được hướng dẫn đến những chủ đề có liên quan đến chủ đề mà họ đang tìm; và 3) được hướng dẫn đến những chủ đề chi tiết hơn, cụ thể hơn và chính xác hơn.

Các tham chiếu **UF (Used For = Dùng cho)** và **USE (Dùng)** được sử dụng để nối kết giữa các từ không được chọn (từ đồng nghĩa, khác chính tả, v.v.) và từ đã được chọn làm TĐCĐ. Thí dụ: Từ **Ethics** đã được chọn để làm TĐCĐ, nên hệ thống tham chiếu sẽ như sau

Ethics [Đạo đức học]
 UF Deontology [Đạo nghĩa học/Đạo đức học]
 Ethology [Phong tục học]
 Moral philosophy [Luân lý học]
 Moral science [Luân lý học]
 Morality [Luân lý]
 Morals [Luân lý]
Deontology [Đạo nghĩa học/Đạo đức học]
 USE Ethics [Đạo đức học]
Ethology [Phong tục học]
 USE Ethics [Đạo đức học]
Moral philosophy [Luân lý học]
 USE Ethics [Đạo đức học]
Moral science [Luân lý học]
 USE Ethics [Đạo đức học]
Morality [Luân lý]
 USE Ethics [Đạo đức học]
Morals [Luân lý]
 USE Ethics [Đạo đức học]

Các tham chiếu **BT (Broader Term = Từ rộng hơn)** và **NT (Narrower Term = Từ hẹp hơn)** được sử dụng để liên kết các TĐCĐ đã được thiết lập cho các chủ đề có liên hệ đẳng cấp với nhau (**hierarchical relationships**): mỗi liên hệ này là mối liên hệ một chiều, nghĩa là tổng quát đến cụ thể, nhằm giới thiệu người sử dụng mục lục chủ đề đến những chủ đề đặc thù hơn. Thí dụ:

Hand [Bàn tay]
 BT Arm [Cánh tay]
 NT Fingers [Ngón tay]
 Palm (Anatomy) [Lòng bàn tay (Cơ thể học)]
Fingers [Ngón tay]
 BT Hand [Bàn tay]
 NT Finger joint [Khớp ngón tay]
 Finger nails [Móng tay]
 Thumb [Ngón tay cái]

Các tham chiếu **RT (Related Term = Từ có liên quan)** được sử dụng để liên kết các TĐCĐ đã được thiết lập cho các chủ đề có liên quan với nhau nhưng không phải là liên hệ đẳng cấp: mỗi liên hệ này là mối liên hệ song phương (hai

chiều), nhằm giới thiệu người sử dụng mục lục chủ đề đến những chủ đề có liên quan đến chủ đề mà họ đang truy dụng. Thí dụ:

Religion [Tôn giáo]

RT Theology [Thần học]

Entomology [Côn trùng học]

RT Insects [Côn trùng]

Theology [Thần học]

RT Religion [Tôn giáo]

Insects [Côn trùng]

RT Entomology [Côn trùng học]

Ngoài các loại tham chiếu vừa kể trên, LCSH còn cung cấp một loại tham chiếu tổng quát gọi là **SA (See Also = Xem thêm)** để giới thiệu người sử dụng mục lục chủ đề đến những tập hợp TĐCĐ hoặc những tập hợp Tiểu phân mục (sẽ bàn đến trong phần sau) có liên quan đến những chủ đề mà họ đang truy dụng. Thí dụ:

Heart [Tim]

SA headings beginning with the words Cardiac or Cardiogenic

[Xem thêm các tiêu đề bắt đầu với những từ **Cardiac** [Thuộc về tim] hay **Cardiogenic** [Do tim]

Abbreviations (May Subd. Geog.) [Các từ viết tắt] (Có thể làm tiểu phân mục địa lý)

SA subdivision Abbreviations under subjects; [Xem thêm tiểu phân mục **Các từ viết tắt** dưới những tiêu đề chủ đề], thí dụ:

Associations, institutions, etc. -- Abbreviations [Hội đoàn, tổ chức văn hoá, v.v. — Các từ viết tắt]

Law -- Abbreviations [Luật — Các từ viết tắt]

Toàn bộ hệ thống tham chiếu của LCSH giúp cho người sử dụng mục lục chủ đề có cơ hội khám phá được hết tất cả những TĐCĐ đã được thiết lập cho những chủ đề có liên quan chặt chẽ với nhau và nhờ vậy giúp cho họ (nhứt là những người làm công tác nghiên cứu về bất cứ lãnh vực nào) có thể truy dụng được tất cả những tài liệu hữu ích, mà họ có thể sử dụng được, trong bộ sưu tập khổng lồ của LC.

2.4. Các hình thức của Tiêu đề (Forms of Headings)

Nói chung, Tiêu đề (TĐ) của LCSH chỉ gồm trong 3 loại chính như sau:

- Loại TĐ chỉ Đề tài (Topical headings)
- Loại TĐ chỉ Hình thức (Form headings)
- Loại TĐ chỉ Tên (Name headings)

2.4.1. Tiêu đề chỉ đề tài (Topical headings)

Đây là loại TĐ chiếm tuyệt đại đa số trong LCSH. Một cách tổng quát, ta cần phân biệt 2 loại chính: TĐ chỉ một khái niệm duy nhứt (Single-concept headings), và TĐ chỉ nhiều khái niệm (Multiple-concept headings).

2.4.1.1. Tiêu đề chỉ một khái niệm duy nhất (Single-concept headings)

LC dùng hai hình thức khác nhau cho loại TĐ này: TĐ từ đơn và TĐ cụm từ.

2.4.1.1.1. Tiêu đề từ đơn (Single-word headings)

Đây là loại TĐ có hình thức đơn giản nhất: một danh từ hay một từ được sử dụng như danh từ (substantives or noun-equivalents) để diễn tả một khái niệm (concept) hay một sự vật (object). Thí dụ:

Danh từ: **Catalogs** [Mục lục]
Bioinformatics [Tin học sinh lý]
Chemistry [Hóa học]
Democracy [Dân chủ]
Moneylenders [Người cho vay]
Pleasure [Khoái lạc]
Women [Đàn bà]

Từ sử dụng **như Danh từ:** **Advertising** [Quảng cáo]
Aged [Người già]
Poor [Nghèo]
Sick [Đau/ốm]

2.4.1.1.2. Tiêu đề cụm từ (Multiple-word or phrase headings)

Khi một khái niệm hay một sự vật không thể diễn tả được bằng một Tiêu đề từ đơn thì LC dùng Tiêu đề cụm từ để diễn tả. Trong trường hợp này, có 2 hình thức được sử dụng: cụm từ có tính từ (adjectival phrases) hay cụm từ có giới từ (prepositional phrases). Thí dụ:

Cụm từ có **tính từ** **Digital art** [Mỹ thuật số]
Space flights [Chuyến bay không gian]
American drama [Bi kịch Mỹ]
Newtonian telescopes [Kính viễn vọng Newton]
Laminated plastics [Đồ nhựa ép]
Children's festivals [Lễ hội nhi đồng]
Halley's comet [Sao chổi Halley]
Toyota automobiles [Xe hơi Toyota]
Veteran-owned business enterprises [Tập đoàn tài chính của cựu chiến binh]

Cụm từ có **giới từ** **Balance of power** [Cân bằng quyền lực]
Boards of trade [Hội đồng mậu dịch]
Figures of speech [Từ pháp]
Spheres of influence [Phạm vi ảnh hưởng]
Stories without words [Truyện không lời]
Willingness to pay [Tự nguyện trả tiền]

2.4.1.2. Tiêu đề chỉ nhiều khái niệm (Multiple-concept headings)

LC dùng nhiều hình thức khác nhau của cụm từ cho loại TĐ này. Thí dụ:

Cụm từ kép (Compound phrase): có 3 loại khác nhau, sử dụng cho 3 mục

tiêu khác nhau như sau:

- để diễn tả mối liên hệ hỗ tương (reciprocal relationships) giữa 2 đề tài cùng được thảo luận chung trên bình diện tổng quát; thí dụ: **Art and technology** [Mỹ thuật và công nghệ]; **Education and state** [Giáo dục và nhà nước] ; **Literature and society** [Văn học và xã hội]; **Television and children** [Truyền hình và trẻ em]
- để kết nối các đề tài thường được thảo luận chung vì chúng tương tự với nhau, hoặc đối nghịch nhau, hoặc có liên hệ chặt chẽ với nhau; thí dụ: **Boats and boating** [Thuyền và đi thuyền]; **Bolts and nuts** [Bù loong và đinh ốc]; **Debtors and creditors** [Con nợ và chủ nợ]; **Good and evil** [Người tốt và kẻ xấu]; **Open and closed shelves** [Kệ sách mở và đóng]; **Emigration and immigration** [Di cư và nhập cư]
- để kết nối hai danh từ khi một danh từ được sử dụng để định nghĩa danh từ kia; thí dụ: **Forces and couples** [Lực và ngẫu lực] ; **Force and energy** [Lực và năng lượng]

Cụm từ có giới từ (Prepositional phrase): loại TĐ này có thể gồm nhiều danh từ (nouns), hoặc nhiều cụm từ đóng vai trò danh từ (noun phrases), hoặc cả hai, có hoặc không có kèm theo các từ bổ nghĩa (qualifiers), và được nối kết với nhau bằng một hay nhiều giới từ (prepositions), và được sử dụng để diễn tả những liên hệ phức tạp giữa các đề tài; thí dụ:

Care of sick animals [Săn sóc động vật ốm]

Child sexual abuse by clergy [Trẻ em bị chức sắc tôn giáo bạo hành tình dục]

Counseling in elementary education [Hướng dẫn ở cấp tiểu học]

Federal aid to youth services [Trợ cấp liên bang cho dịch vụ của tuổi trẻ]

Fertilization of plants by insects [Thụ tinh cho cây bởi côn trùng]

Teacher participation in curriculum planning [Giáo chức tham gia trong việc hoạch định chương trình học]

2.4.1.3. Tiêu đề đảo ngược (Inverted headings)

Đây là một tồn tại của một lề lối thiết lập TĐCĐ của LC trong quá khứ. Lề lối này chủ trương chọn từ có ý nghĩa nhất trong TĐ làm thành phần mở đầu hay dẫn tố (entry element) với mục đích là tập hợp các đề tài liên quan với nhau vào chung một chỗ trong mục lục. Thí dụ:

Chemistry, Analytic [Hoá học, Phân tích]

Chemistry, Organic [Hoá học, Hữu cơ]

Chemistry, Technical [Hoá học, Công nghệ]

Education, Elementary [Giáo dục, Tiểu học]

Education, Higher [Giáo dục, Đại học]

Education, Secondary [Giáo dục, Trung học]

Insurance, Automobile [Bảo hiểm, Xe hơi]

Insurance, Life [Bảo hiểm, Nhân thọ]

Insurance, Unemployment [Bảo hiểm, Thất nghiệp]

Với thời gian, loại TĐ này tạo ra nhiều bất nhất trong LCSH; thí dụ:

Functions, Abelian và **Abelian groups**
[Hàm, Abel và Nhóm Abel]
Chemistry, Technical và **Environmental chemistry**
[Hoá học, Công nghệ và Hóa học môi trường]

Do đó, vào năm 1983, LC quyết định từ đó về sau phần lớn TĐCĐ sẽ không theo lối đảo ngược nữa. Tuy nhiên, vì TĐCĐ đảo ngược đã chiếm một số khá lớn trong LCSH nên LC cũng quyết định duy trì lối đảo ngược này cho các TĐ thuộc vào các loại sau đây:

- TĐ bổ nghĩa bởi **ngôn ngữ, quốc tịch, hay nhóm sắc tộc**, thí dụ:
Art, American [Mỹ thuật, Hoa Kỳ]
Authors, Spanish [Tác giả, Tây Ban Nha]
Porcelain, Chinese [Gốm sứ, Trung Hoa]
- TĐ bổ nghĩa bởi **thời đại**; thí dụ:
Logic, Ancient [Luận lý học, Cổ đại]
Philosophy, Medieval [Triết học, Trung cổ]
History, Modern [Lịch sử, Cận đại]
- TĐ với từ bổ nghĩa **mang tính nghệ thuật hay âm nhạc**; thí dụ:
Art, Baroque [Mỹ thuật, Baroque]
Bronzes, Renaissance [Đồ đồng, Thời Phục hưng]
Drawing, Rococo [Hội hoạ, Rococo]
- TĐ dành cho các loại **vật hóa thạch**; thí dụ:
Footprints, Fossil [Vết chân, Hoá thạch]
Trees, Fossil [Cây, Hoá thạch]
- TĐ dành cho âm nhạc với các từ bổ nghĩa sau đây:
[...], **Arranged** [Cải biên]
[...], **Sacred** [Nhạc tôn giáo]
[...], **Secular** [Nhạc thế tục]
[...], **Unaccompanied** [Nhạc không đệm]
- TĐ dành cho các **trận đánh [(battles = chiến tranh)]**
- TĐ dành cho các **địa danh**
- TĐ dành cho các **nhân vật tưởng tượng hay trong cổ tích**
- TĐ dành cho các **hoàng gia**

Tuy nhiên, LC cũng quyết định về một số trường hợp ngoại lệ như sau:

- nếu TĐ bổ nghĩa bởi ngôn ngữ, quốc tịch, hay nhóm sắc tộc mà có kèm theo các từ sau đây thì không đảo ngược:
[...], **diaries** [Nhật ký]
[...], **drama** [Kịch]
[...], **drama (Comedy)** [Kịch (Hài kịch)]
[...], **drama (Tragedy)** [Kịch (Bi kịch)]

[...] **drama (Tragicomedy)** [Kịch (Bi hài kịch)]
 [...] **essays** [Tùy bút]
 [...] **farces** [Kịch khôi hài]
 [...] **fiction** [Tiểu thuyết]
 [...] **imprints** [Dấu ấn]
 [...] **language** [Ngôn ngữ]
 [...] **letters** [Thư tín]
 [...] **literature** [Văn học]
 [...] **newspapers** [Báo chí]
 [...] **periodicals** [Ấn phẩm định kỳ]
 [...] **philology** [Ngôn ngữ học]
 [...] **poetry** [Thơ]
 [...] **prose literature** [Văn xuôi]
 [...] **wit and humor** [Dí dỏm và hài hước]
 [...] **wit and humor, Pictorial** [Dí dỏm và hài hước, Hình ảnh]

- các TĐ bỏ nghĩa bởi các nhóm sắc tộc tại Hoa Kỳ thì cũng sẽ không đảo ngược:

African American artists [Nghệ nhân Mỹ gốc Phi châu]
Japanese American women [Người đàn bà Mỹ gốc Nhật]
Italian American art [Mỹ thuật Hoa Kỳ gốc Ý]

2.4.2. Tiêu đề chỉ Hình thức (Form headings)

Đây là loại TĐ chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ trong LCSH. Gần như là một biệt lệ, loại TĐ này được thiết lập để mô tả hình thức thư tịch của tác phẩm thay vì nội dung của tác phẩm. Phần lớn các TĐ thuộc loại này được ấn định cho những tác phẩm mà nội dung không giới hạn trong một đề tài đặc biệt nào đó hoặc cho những tác phẩm bàn về những chủ đề thật tổng quát; thí dụ: **Encyclopedias and dictionaries** [Từ điển bách khoa và từ điển]; **Almanacs** [Lịch sách]; **Yearbooks** [Niên giám]; **Devotional calendars** [Lịch tôn giáo]. Một số TĐ thuộc loại này cũng được thiết lập để chỉ các thể loại văn chương và nghệ thuật; thí dụ: **Painting, Chinese** [Tranh, Trung Hoa]; **Short stories** [Truyện ngắn]; **Suites (Wind ensemble)** [Tổ khúc (Nhạc khí thổi hợp tấu)]

2.4.3. Tiêu đề chỉ Tên (Name headings)

Có 2 điều cần ghi nhớ về loại TĐ này: 1) Trừ một vài trường hợp ngoại lệ, loại TĐ này **không** được in trong LCSH; và, 2) Khi thiết lập các **TĐ thuộc loại chỉ Tên này, biên mục viên phải tuân theo chuẩn *Anglo-American Cataloging Rules (AACR2)*** [Quy tắc biên mục Anh-Mỹ, ấn bản 2]. Loại TĐ này được sử dụng để chỉ tên người, tên đoàn thể (kể cả tên hội nghị), và địa danh.

2.4.3.1. Tiêu đề tên người (Personal name headings)

Loại TĐ này được sử dụng khi làm biên mục chủ đề cho các tác phẩm thuộc loại

tiểu sử (biographies), kỷ niệm nhân vật (festschrift), thư tịch các tác phẩm của một tác giả (bibliographies), phê bình văn học (literary criticism) có đề cập đến tác giả. Thí dụ:

Alexander, the Great, 356-323 B.C.
Ambrose, Saint, Bishop of Milan, d. 397
Aristotle
Byron, George Gordon Byron, Baron, 1788-1824
Catherine II, Empress of Russia, 1729-1796
Charlemagne, Emperor, 742-814
Columbus, Christopher
Devonshire, Andrew Robert Buxton Cavendish, Duke of, 1920-
Franz Joseph I, Emperor of Austria, 1830-1916
John Paul II, Pope, 1920-
Kennedy, John F. (John Fitzgerald), 1917-1963
Madonna, 1958-
Nguyễn, Du, 1765-1820
Nicholas, of Cusa, Cardinal, 1401-1464

2.4.3.2. Tiêu đề tên hội đoàn (Corporate name headings)

Loại TĐ này được sử dụng khi làm biên mục chủ đề cho những tác phẩm mô tả việc hình thành, phát triển, và hoạt động của các hội đoàn; thí dụ:

Arthur M. Sackler Gallery (Smithsonian Institution)
Cleveland Browns (Football team : 1999)
Colonial Williamsburg Foundation
Conference on Security and Cooperation in Europe. Follow-up Meeting (3rd : 1986 : Vienna, Austria)
First Baptist Church (Charleston, S.C.)
Golden State Warriors (Basketball team)
Library of Congress. Cataloging Policy and Support Office
Metropolitan Museum of Art (New York, N.Y.)
Michigan. Dept. of State
Queen Elizabeth (Ship)
Rand Corporation
Teens (Musical group)
United Nations. Armed Forces
Viện sử học (Vietnam)

2.4.3.3. Tiêu đề địa danh (Geographic name headings)

Loại TĐ này được sử dụng khi làm biên mục chủ đề cho các tác phẩm mô tả các vùng địa lý, các quốc gia, các thành phố, thị trấn, sông, hồ, núi, đảo, v.v.; thí dụ:

Các vùng địa lý: **Africa, Southern** [Châu Phi, Nam]
Himalaya Mountains [Hy Mã Lạp Sơn]
South America [(Nước) Nam Phi]

Các quốc gia:	Great Britain [Anh quốc] Spain [Tây Ban Nha] Vietnam [Việt Nam]
Các thành phố, thị trấn:	London (England) [Luân Đôn (Anh quốc)] Vienna (Austria) [Vienna (Áo quốc)] Beijing (China) [Bắc Kinh (Trung Hoa)] Toronto (Ont.) [Toronto (Ont[ario])] Boston (Mass.) [Boston (Mass[achusetts])] Hanoi (Vietnam) [Hà Nội (Việt Nam)]
Sông, hồ, núi, đảo:	Mekong River Dolores River (Colo. and Utah) Cold Lake (Alta.) Steinhuder Lake (Germany) Qinling Mountains (China) Asama Mountain (Japan) Nantucket Island (Mass.) Aegina Island (Greece)

2.5. Tiểu phân mục (Subdivisions)

LCSH có một hệ thống Tiểu phân mục (Subdivisions; sau đây sẽ gọi tắt là TPM) rất đầy đủ để thêm vào ngay sau TĐCĐ đã được chọn để diễn tả tất cả những khía cạnh của chủ đề được bàn đến trong tài liệu đang được làm biên mục. **Có tất cả 4 loại TPM: đề tài (topical), địa lý (geographical), thời gian (chronological), và hình thức (form).**

2.5.1. Tiểu phân mục đề tài (Topical subdivisions)

Tiểu phân mục đề tài được sử dụng để mô tả thêm những đề tài phụ (không thuộc về địa lý, thời gian hay hình thức) trong chủ đề đã được chọn làm TĐCĐ, thông thường là những diện (facets) của chủ đề như là các ý niệm (concepts), phương pháp (methods), hay kỹ thuật (techniques); thí dụ:

France – Foreign relations [Pháp quốc — Ngoại giao]
Hearts – Diseases [Tim — Bệnh]
Physics – Research [Vật lý học — Khảo cứu]
Geology – Mathematics [Địa chất học — Toán học]

2.5.2. Tiểu phân mục địa lý (Geographical subdivisions)

Tiểu phân mục địa lý được sử dụng khi khía cạnh địa lý của chủ đề được trình bày rõ trong tài liệu. Trong hệ thống LCSH, chỉ có các TĐCĐ **có ghi chú (May Subd Geog = Có thể làm tiểu phân mục địa lý)** mới có thể áp dụng TPM địa lý. TPM địa lý có thể là tên của các lục địa (hay châu), các vùng bao gồm nhiều quốc gia, các quốc

gia, các tiểu bang hay tỉnh bang (của các nước theo chế độ liên bang như Hoa Kỳ, Canada, Úc), và các thành phố. **Có 2 lối áp dụng TPM địa lý: trực tiếp và gián tiếp. Trong lối trực tiếp, địa danh được thêm vào ngay sau TĐCĐ; lối này áp dụng cho các lục địa, các vùng nhiều quốc gia, các quốc gia, và các tiểu / tỉnh bang. Trong lối gián tiếp, địa danh chỉ được thêm vào TĐCĐ sau tên các quốc gia hay tên các tiểu / tỉnh bang; lối này áp dụng cho tên các thành phố.** Thí dụ:

Trực tiếp	Music – Germany [Âm nhạc — Đức quốc] Geology – Antarctica [Địa chất học — Nam cực] Soil chemistry – Arctic regions [Hoá chất của đất — Vùng Bắc cực]
Gián tiếp	Architecture – Belgium – Flanders [Kiến trúc — Bỉ quốc — Flanders] Music – Austria – Vienna [Âm nhạc — Áo quốc — Vienna]

2.5.3. Tiêu phân mục thời gian (Chronological subdivisions)

Tiêu phân mục (TPM) thời gian được sử dụng khi trong tài liệu chủ đề được trình bày qua những giai đoạn lịch sử. Các TPM thời gian này thay đổi tùy theo chủ đề và tùy theo quốc gia. Thí dụ:

- France – History – 1798-** [Pháp quốc — Lịch sử — 1798-]
- France – History – Revolution, 1789-1793** [Pháp quốc — Lịch sử — Cách mạng, 1798-1793]
- France – History – 1789-1900** [Pháp quốc — Lịch sử — 1798-1900]
- China – History – Ming dynasty, 1368-1644** [Trung Hoa — Lịch sử — Triều Minh, 1368-1644]
- Japan – History – Meiji period, 1868-1912** [Nhật Bản — Lịch sử — Thời Minh Trị, 1868-1912]
- Great Britain – Foreign relations – 1837-1901** [Anh quốc — Ngoại giao — 1837-1901]
- United States – Social life and customs – 1865-1918** [Hoa Kỳ — Đời sống xã hội và tập quán — 1865-1918]
- Vietnam – History – 1858-1945** [Việt Nam — Lịch sử — 1858-1945]
- Vietnam – History – 1945-1975** [Việt Nam — Lịch sử — 1945-1975]
- Vietnam – History – 1975-** [Việt Nam — Lịch sử — 1975-]
- Vietnam – History – Nguyễn dynasty, 1802-1945** [Việt Nam — Lịch sử — Triều Nguyễn, 1802-1945]

2.5.4. Tiêu phân mục hình thức (Form subdivisions)

TPM hình thức được sử dụng để mô tả hình thức của tài liệu hay cách sắp xếp của chủ đề trong tài liệu. TPM hình thức có thể được áp dụng cho bất cứ loại TĐCĐ nào; các TPM hình thức thông dụng nhất là **Bibliography, Congresses, Encyclopedias, Maps, Pamphlets, Periodicals, Pictorial works, Software**. Thí dụ:

2.5.5. Tiêu phân mục phù động tự do (Free-floating subdivisions)

Từ năm 1974, một số TPM đề tài và hình thức có thể được áp dụng một cách rộng rãi đã được tập hợp lại và chính thức gọi là TPM phù động tự do (Free-floating subdivisions; sau đây sẽ viết tắt là TPMPĐTD). Có tất cả 5 loại TPMPĐTD như sau:

- TPMPĐTD đề tài và hình thức có thể **áp dụng tổng quát** (Free-floating topical and form subdivisions of general application)
- TPMPĐTD dùng cho một số **TĐ đặc thù** (Free-floating subdivisions under specific types of headings); thí dụ như: TĐ tên người (individual name headings), TĐ tên các hạng người và các nhóm chủng tộc (headings for classes of persons and ethnic groups), và TĐ địa danh (geographic headings)
- TPMPĐTD **đề tài và hình thức theo TĐ mẫu** (Free-floating topical and form subdivisions controlled by pattern headings)
- TPMPĐTD cho **thời gian** (Free-floating chronological subdivisions)
- Các **đề tài sử dụng như TPMPĐTD** (Subjects or topics as free-floating subdivisions)

2.5.6. Tiêu phân mục phù động tự do theo Tiêu đề mẫu (Free-floating subdivisions controlled by Pattern Headings)

Subject Field [Ngành học]	Category [Đẳng loại]	Pattern Heading(s) [Tiêu đề mẫu]
Religion [Tôn giáo]	Religious and monastic orders [Tông phái tôn giáo và Tu viện] Religions [Tôn giáo] Christian denominations [Hệ phái Ky Tô Giáo] Sacred works (including parts) [Kinh điển tôn giáo (bao gồm cả các phần)]	Jesuits [Dòng Tên] Buddhism [Phật giáo] Catholic Church [Giáo hội Thiên Chúa La Mã] Bible [Kinh thánh]

Subject Field [Ngành học]	Category [Đẳng loại]	Pattern Heading(s) [Tiêu đề mẫu]
History and Geography [Lịch sử và Địa lý]	<p>Colonies of individual countries [Thuộc địa của những quốc gia cá biệt]</p> <p>Legislative bodies (including individual chambers) [Cơ quan lập pháp (bao gồm cả từng viện cá biệt)]</p> <p>Military services (including armies, navies, marines, etc.) [Các quân chủng (bao gồm lục quân, hải quân, thủy quân lục chiến, v.v..)]</p> <p>Wars [Chiến tranh]</p>	<p>Great Britain – Colonies [Anh quốc — Thuộc địa]</p> <p>United States. Congress [Hoa Kỳ. Quốc Hội]</p> <p>United States – Armed Forces [Hoa Kỳ — Quân đội] United States. Air Force [Hoa Kỳ — Không quân] United States. Army [Hoa Kỳ — Lục quân] United States. Marine Corps [Hoa Kỳ — Thủy quân lục chiến] United States. Navy [Hoa Kỳ — Hải quân]</p> <p>World War, 1939-1945 [Thế chiến, 1939-1945]</p>

Subject Field [Ngành học]	Category [Đẳng loại]	Pattern Heading(s) [Tiêu đề mẫu]
Social Sciences [Khoa học xã hội]	<p>Industries [Kỹ nghệ]</p> <p>Types of educational institutions [Các loại trường học]</p> <p>Individual educational institutions [Trường học cá biệt]</p> <p>Legal topics [Đề tài về luật pháp]</p>	<p>Construction industry [Kỹ nghệ xây dựng] Retail trade [Mậu dịch bán lẻ]</p> <p>Universities and colleges [Đại học và Trường cao đẳng]</p> <p>Harvard University [Đại học Harvard]</p> <p>Labor laws and legislation [Luật lao động và pháp chế]</p>

Subject Field [Ngành học]	Category [Đẳng loại]	Pattern Heading(s) [Tiêu đề mẫu]
The Arts [Nghệ thuật]	<p>Art [Mỹ thuật]</p> <p>Groups of literary authors (including authors, poets, dramatist, etc.) [Nhóm nhà văn (bao gồm văn sĩ, thi sĩ, nhà viết kịch, v.v..)]</p> <p>Literary works entered under author [Tác phẩm được làm biên mục theo tên tác giả]</p> <p>Literary works entered under title [Tác phẩm được làm biên mục theo nhan đề]</p> <p>Languages and groups of languages [Ngôn ngữ và nhóm ngôn ngữ]</p> <p>Literatures (including individual genres) [Văn học bao gồm nhiều thể loại cá biệt]</p> <p>Musical compositions [Biên soạn nhạc]</p> <p>Musical instruments [Nhạc cụ]</p>	<p>Art, Italian [Mỹ thuật, Ý] Art, Chinese [Mỹ thuật, Trung Hoa] Art, Japanese [Mỹ thuật, Nhật Bản] Art, Korean [Mỹ thuật, Đại Hàn]</p> <p>Authors, English [Tác giả, Anh quốc]</p> <p>Shakespeare, William, 1564-1616. Hamlet</p> <p>Beowulf</p> <p>English language [Anh ngữ] French language [Pháp ngữ] Romance languages [Romance ngữ]</p> <p>English literature [Văn học Anh]</p> <p>Operas [O-pê-ra]</p> <p>Piano [Đàn dương cầm] Clarinet [Hắc tiêu]</p>
Subject Field [Ngành học]	Category [Đẳng loại]	Pattern Heading(s) [Tiêu đề mẫu]
Science and Technology [Khoa học và công nghệ]	<p>Land vehicles [Xe chạy trên mặt đất]</p> <p>Materials [Vật liệu]</p> <p>Chemicals [Hoá chất] Organs and regions of the body [Bộ phận và vùng của thân thể]</p> <p>Diseases [Bệnh]</p> <p>Plants and crops [Cây và hoa màu]</p> <p>Animals [Loài vật]</p>	<p>Automobiles [Xe hơi/Ô tô]</p> <p>Concrete [Bê-tông] Metals [Kim loại] Copper [Đồng] Insulin [In-su-lin] Heart [Tim] Foot [Chân]</p> <p>Cancer [Bệnh ung thư] Tuberculosis [Bệnh lao]</p> <p>Corn [Ngô/Bắp]</p> <p>Fishes [Cá] Cattle [Trâu bò]</p>

Theo lời này, khi thiết lập TĐ cho một chủ đề thuộc cùng một loại (Category) với TĐ mẫu (Pattern heading), biên mục viên được phép sử dụng **tất cả những TPM được liệt kê bên dưới TĐ mẫu trong LCSH cho TĐ đang thiết lập**; thí dụ: biên mục viên đang làm biên mục chủ đề cho một tác phẩm về Phổi, và đã ấn định TĐ chính cho tài liệu là **Phổi (Lung)** thì biên mục viên được phép sử dụng bất cứ TPM nào được liệt kê cho TĐ **Tim (Heart)**.

2.5.7. Thứ tự áp dụng Tiêu phân mục (Order of subdivisions)

Vì có sự phân biệt các loại TPM như vừa trình bày bên trên, và với khả năng có thể xảy ra là nhiều TPM thuộc các loại khác nhau có thể được sử dụng cùng một lúc cho một TĐCĐ, vấn đề thứ tự gán ghép các TPM vào TĐCĐ cần phải được đặt ra. Tuy vấn đề này chưa được giải quyết hoàn toàn thỏa đáng, hiện nay **LC có chủ trương áp dụng hai thứ tự sau đây cho các TPM:**

- Khi TĐCĐ là một địa danh thì thứ tự của các TPM sẽ như sau:
Địa danh – TPM đề tài – TPM thời gian – TPM hình thức
Great Britain – Civilization – 17th century – Sources
[Anh quốc — Văn minh — Thế kỷ 17 — Nguồn liệu]
- Khi TĐCĐ là một đề tài thì thứ tự của các TPM sẽ như sau:
Đề tài – TPM địa lý – TPM đề tài – TPM thời gian – TPM hình thức
Nobility – Great Britain – History – 16th century – Sources
[Giới quý tộc — Anh quốc — Lịch sử — Thế kỷ 16 — Nguồn liệu]
